

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-03-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tám

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: **Không** tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 562/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2020/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Kim M, sinh năm 1984 – có mặt

Nơi ĐKKHKT: Ấp R, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Việt C, sinh năm 1982 – vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: Ấp R, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 12 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị M trình bày:

Về hôn nhân: chị M và anh C kết hôn với nhau vào năm 2012, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 06 năm thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 11/ 2018 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị M là do anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm chăm sóc đời sống vợ con, dù chị M có nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C không thay đổi nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng không thể hàn gắn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Cao Phước T, sinh ngày 23/4/2016, hiện đang do anh C chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị M giữ yêu cầu ly hôn với anh Đặng Việt C; Về con chung: Chị M yêu cầu được nuôi cháu Cao Phước T, sinh ngày 23/4/2016, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Đặng Việt C vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của chị M.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Đặng Việt C đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho anh C đúng theo quy định pháp luật nhưng anh C không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay chị M giữ yêu cầu ly hôn với anh Đặng Việt C; Về con chung: Chị M đồng ý giao con là cháu Cao Phước T, sinh ngày 23/4/2016, cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Việt C vắng mặt không lý do và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị M và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C là có cơ sở xem xét.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình và việc nuôi dạy con. Nguyên nhân chính là do anh C có quan hệ bất chính với người

phụ nữ khác bên ngoài nên từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến tháng 11/2018 thì chính thức ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc với nhau không giải quyết được mâu thuẫn nên không về đoàn tụ lại được. Hiện nay chị M xác định tình cảm vợ chồng chị M dành cho anh C không còn nữa và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh C.

Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh C đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của chị M thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay chị M xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh C không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Xét về con chung: Giữa chị M và anh C có 01 con chung tên Cao Phước T, sinh ngày 23/4/2016, hiện nay cháu T đang do anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay tại Tòa chị M đồng ý giao con chung là cháu Cao Phước T, sinh ngày 23/4/2016, cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Phía anh C đã được Tòa án tổng đạt các văn bản thủ tụng tố tụng do pháp luật đã qui định, mà anh C không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với việc là có yêu cầu chị M cấp nuôi con. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Chị Cao Kim M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Kim M phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012280, ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Kim M.

Về hôn nhân: Cho chị Cao Kim M ly hôn với anh Đặng Việt C.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Cao Phước T, sinh ngày 23/4/2016 cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C vắng mặt mà không có ý kiến bằng văn bản. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Cao Kim M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Xét về tài sản chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Kim M phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012280, ngày 13 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện B : 02
- THADS huyện B: 01
- Nơi đăng ký kết hôn
- Đương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Tuyết Sương